

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09/3/2020

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

2. Bà Nguyễn Kim Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương* tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1670/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1961; thường trú tại: 5/1, khu phố 1A, phường P, thị xã A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1985; thường trú tại: Ấp 6, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: C6/18, Bình Thuận 2, phường G, thị xã A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – bà Lê Thị H trình bày:*

Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Phước T chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A (nay là phường P, thị xã A), tỉnh Bình Dương và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05/2003, quyền số 04, ngày 22/01/2003.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984 và Nguyễn Minh T, sinh năm 1986.

Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có con với họ. Vợ chồng sống riêng khoảng hai năm nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên bà H khởi kiện yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phước T.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng ông T đều vắng mặt. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Phước T và yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – ông Nguyễn Phước T có nơi cư trú tại khu phố Bình Thuận 2, phường G, thị xã A, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn- bà Lê Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn – ông Nguyễn Phước T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[4] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Phước T được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A (nay là phường P, thị xã A), tỉnh Bình Dương và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05/2003, quyển số 04, ngày 22/01/2003 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phước T với lý do: Ông T không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có con với họ. Bà H nhiều lần khuyên nhủ ông T quay về chung sống xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng

không có kết quả. Vợ chồng đã sống riêng nhau khoảng hai năm nay, không ai quan tâm đến ai.

Quá trình tố tụng Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà H và ông T tại nơi cư trú của vợ chồng nhưng không ai có thông tin gì về việc vợ chồng bà H và ông T mâu thuẫn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Ông T vì có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai nên xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà H và ông T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984 và Nguyễn Minh T, sinh năm 1986. Do các con đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu giải quyết là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với ông Nguyễn Phước T về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Phước T.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không giải quyết

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0005018 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Phòng Tư pháp thị xã Thuận An;
- UBND phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (đề báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Huỳnh Minh Trí